

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;

2. Bà Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1971; HKTT: Ấp B, xã T, huyện D tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1981; HKTT: Ấp B, xã T, huyện D tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 31/7/2020, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 31/7/2020, bà H khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông Tchung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D vào ngày 26/5/2016. Bà H kết hôn với ông T là kết hôn lần thứ ba; bà H đã có 04 người con riêng, 02 con đã trưởng thành và 02 con còn nhỏ và hiện đang sinh sống cùng với bà H. Sau khi kết hôn với ông T, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, ông T thường xuyên uống rượu về gây gỗ đánh đập vợ con, không lo làm việc, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần, ông T cũng đã viết cam kết không tái phạm những vẫn không thay đổi, mỗi lần mâu thuẫn là cầm dao rượt đuổi đánh bà H. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai, do đó bà H làm đơn xin được ly hôn với ông Thi.

- *Về con chung*: Bà H và ông T có 01 con chung tên Vũ Tường V, sinh ngày 01/11/2016. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà H yêu cầu được chia tài sản chung là chiếc xe mô tô hiệu Vison mang biển số 61H1-49680 đứng tên bà Nguyễn Mỹ H với giá trị 32.000.000 đồng.

- *Nợ chung*: Nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện D số tiền 35.000.000 đồng, bà H đồng ý trả toàn bộ số nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H xác định rút yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp đối với ông T về việc chia tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu TAND huyện Dầu Tiếng giải quyết. Bà H chỉ yêu cầu giải quyết vấn đề ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con chung về yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đồng thời, bà H xác định hiện tại ông T làm công nhân của Nội trường cao su thuộc Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng với mức thu nhập trung bình là 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng/tháng. Bà H hiện làm công nhân của một công ty tư nhân tại xã A, huyện Dầu Tiếng với thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/tháng.

Chứng cứ nguyên đơn bà H giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 31/7/2020 của bà H; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà H; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao trích lục giấy khai sinh của con chung; bản cam kết ngày 25/9/2019 của ông T về việc tu chí làm ăn, không đánh đập bà H; bản tự khai của bà H. Ngoài ra, bà H không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

*** Tại bản tự khai ngày 01/9/2020, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Hoàng T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất ý kiến với bà H về quá trình chung sống với nhau từ năm 2016. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 26/5/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Ông T xác nhận là trong cuộc sống ông T có uống rượu và đôi lúc có mâu thuẫn và đánh bà H. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần, ông T cũng đã viết cam kết không tái phạm nhưng đôi lúc buồn bực và say rượu đã tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện, ông T xác định vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn gia đình nên xin được ly thân với bà H khoảng mấy tháng, ông T không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông T thống nhất với bà H, giữa ông T và bà H có 01 con chung tên Vũ Tường V, sinh ngày 01/11/2016. Do ông T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc ai nuôi dưỡng con chung. Nếu buộc phải ly hôn thì ông T yêu cầu được nuôi con chung vì bà H đã có 04 con riêng, bà H phải đi làm nên không có thời gian và điều kiện giữ con và chăm sóc con tốt. Đồng thời, ông T xác định hiện tại ông T làm công nhân của Nội trường cao su thuộc Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng với mức thu nhập trung bình là 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng/tháng. Bà H hiện làm công nhân của một công ty tư nhân tại xã A, huyện Dầu Tiếng không xác định được thu nhập (do mới đi làm).

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án:**

- Ngày 09/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương đối với Công an viên ấp B và xác định: Bà H và ông T có quan hệ là vợ chồng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện Dầu Tiếng. Quá trình chung sống, địa phương nhận thấy ông T thường xuyên uống rượu và có những hành vi đánh đập, đe dọa bà H; hai vợ chồng nhiều lần cãi nhau gây ồn ào hàng xóm. Công an ấp B cũng từng khuyên răn, hòa giải hai bên nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

- Cùng ngày 09/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương đối với Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp B và được cung cấp thông tin: Vợ chồng bà H và ông T có 01 con chung tên Vũ Tường V. Quá trình sống gần nhà hai vợ chồng bà H thì nhận thấy ông T là người nóng tính, mỗi lần uống rượu về nhà thì hay chửi mắng, đánh đập bà H. Nhìn chung hai vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm, không hạnh phúc. Hiện nay, ông T có nghề nghiệp là công nhân cạo mủ cao su, bà H là công nhân may.

- Ngoài ra, Tòa án còn xác minh đối với bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột bà H, bà N xác nhận: Hai vợ chồng bà H không có sự yêu thương đùm bọc, chia sẻ với nhau. Ông T có chơi cờ bạc, hay uống rượu, có những lần đe dọa uy hiếp tinh thần bà H, do vậy với tư cách là người mẹ, bà N đồng ý với yêu cầu ly hôn của con gái.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà H, bị đơn ông T có mặt. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung”. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về ly hôn và giao con chung cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng và xem xét việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H, bị đơn ông T có mặt, đã đảm bảo việc tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà H khởi kiện tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn ông T, ông T có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 31/7/2020, bà H khởi kiện ly hôn đối với ông T với các yêu cầu: Ly hôn; quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung; chia tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H xác định rút yêu cầu khởi kiện, không tranh chấp đối với ông T về việc chia tài sản chung, nợ chung. Bà H chỉ yêu cầu giải quyết vấn đề ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 5, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:*

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 26/5/2016. Hôn nhân giữa bà H và ông T đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, theo bà H thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, theo ông T xác định mặc dù ông T có uống rượu và đôi lúc có mâu thuẫn và đánh bà H và sự việc mâu thuẫn đã được gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần, ông T cũng đã viết cam kết không tái phạm, đôi lúc buồn bực và say rượu đã tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nhưng ông T vẫn còn thương yêu vợ con, muốn hàn gắn gia

đình nên xin được ly thân chứ ông T không đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng ông T thật sự không chăm lo đến cuộc sống gia đình, uống rượu về thường có hành vi bạo lực đánh đập bà H, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của bà H và ông T là phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà H với ông T có 01 con chung tên Vũ Tường V, sinh ngày 01/11/2016. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, cháu Vy còn quá nhỏ chưa đầy 04 tuổi, lại là con gái; hơn nữa ông T là người nóng tính, hay uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển đầy đủ về mọi mặt, việc giao cháu V cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Theo ông T, hiện ông T có thu nhập ổn định hàng tháng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng. Căn cứ vào tình hình thực tế với mức sống trung bình tại địa phương thì mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H và ông T tự xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông T phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 100, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Mỹ H đối với ông Vũ Hoàng T, xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Mỹ H được ly hôn với ông Vũ Hoàng T. Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2016 do UBND xã T, huyện D cấp ngày 26/5/2016 cho bà Nguyễn Mỹ H với ông Vũ Hoàng T hết hiệu lực khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*:

1.2.1. Bà Nguyễn Mỹ H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Vũ Tường V, sinh ngày 01/11/2016.

1.2.2. Ông Vũ Hoàng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng (*một triệu đồng*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông T còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự không tranh chấp, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mỹ H đối với ông Vũ Hoàng T về tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và nợ chung theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2020.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Mỹ H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), sau khi khấu trừ vào số tiền 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0033152 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà H được nhận lại số tiền là 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*).

3.2. Ông Vũ Hoàng T phải chịu toàn bộ tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/9/2020).

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng